

Số: 42/2022/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tiền.

2. Bà Lê Thị Kim Thu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Tấn H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: - Ông Trương Sơ T, sinh năm 1938.

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L: Ông Trương Việt Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 5 năm 2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1967.

- Ông Trương Hoàng T1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1: Ông Trương Tấn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Trương Tấn H, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1 có diện tích 5.7m², thửa 31-1 và 31-3, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L đối với diện tích đất làm lối đi mà ông Trương Tấn H, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1 được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

- Ông Trương Tấn H, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L số tiền giá trị đất là 9.500.000 (*chín triệu năm trăm nghìn*) đồng; đồng thời, ông Trương Tấn H, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1 phải phá bỏ tài sản trên đất là cầu đald có diện tích 6.9m² (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng là 3.529.000 (*ba triệu năm trăm hai mươi chín nghìn*) đồng; ông Trương Tấn H phải chịu là 1.764.500 (*một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm*) đồng, ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L phải chịu là 1.764.500 (*một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm*) đồng; ông Trương Tấn H đã thực hiện quyết toán xong nên ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L phải hoàn trả lại cho Trương Tấn H số tiền là 1.764.500 (*một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm*) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tấn H, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Trương Hoàng T1 phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001418 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông Trương Sơ T và bà Đỗ Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc phẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn